ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I HÓA 8 NĂM HỌC 2020 – 2021

Dạng thi: Gồm hai phần

Phần 1: Trắc nghiệm: 15 câu

Phần 2: Tự luận : 3 câu

Lí thuyết

Gồm

Lập PTHH

Tính toán hóa học

1. Lý thuyết: Tuần 1- 15
2. Bài tập

A. Tham khảo phần trắc nghiệm:

1. Xác định đơn chất, hợp chất:

BaO; Cl2; CO; SO2; Cl2; N2; Mg; Al; SO2; NaCl; CaCO3; H2O; N2; CO2; Ca(OH)2; CuSO4; CaO; HCl; C; HNO3; H2O; FeS; NO2; NaCl; CaCO3

2.Viết CTHH của các chất sau:

a. Khí hidro, khí nitơ, đồng, kẽm, nhôm, cacbon.

b. Axit clohidric (phân tử gồm 1H, 1Cl), axit sunfuric (phân tử gồm 2H, 1S, 4O).

c. Kali pemanganat (phân tử gồm 1K, 1Mn, 4O), Sắt (III) sunfat (phân tử gồm 2Fe, 3S, 12O).

3. Phân biệt hiện tượng vật lí, hóa học. Giải thích?

a.Đun nóng đường, đường chảy rồi chuyển màu đen, có mùi hắc.

b.Đinh sắt để lâu ngoài không khí bị gỉ.

c.Bóng đèn phát sáng, kèm theo tỏa nhiệt.

d.Nước vôi trong để lâu ngoài không khí có xuất hiện màng mỏng ở trên.

e.Thuỷ tinh nóng chảy thành thuỷ tinh lỏng

f.Nước đá tan thành nước lỏng

g.Dây tóc bóng đèn sáng lên

h. Cô cạn dung dịch nước muối.

i. Phơi đồ ngoài trời nắng mau khô hơn.

k. Đốt cháy củi tạo thành than.

l. Khi mưa giông thường có sấm sét.

3. Lập CTHH của chất được tạo bởi:

1. Fe (III) và NO3 (I). 2. S (VI) và O (II). 3. Na (I) và PO4 (III).

4. Al (III) và O (II). 5. Fe (III) và SO4 (II). 6. Mg (II) và Cl (I).

4. Xác định hóa trị của các nguyên tố Fe, Al, K, S, C có trong các hợp chất sau:

1. FeCl2 (Cl hóa trị I). 2. Al(OH)3 (OH hóa trị I). 3. Fe(NO3)3 (NO3 hóa trị I).

4. K2SO4 (SO4 hóa trị II). 5. SO3 (O hóa trị II). 6. CO (O hóa trị II).

B. Tham khảo phần tự luận:

5. Lập PTHH từ các sơ đồ phản ứng sau và cho biết ý nghĩa của các PTHH đó:

1. P + O2 P2O5 2. Na + O2 ?

3. Fe + Cl2 FeCl3 4. N2 + H2 NH3

5. Mg + HCl MgCl2 + H2 6. Al + H2SO4 ---> Alx(SO4)y + H2

7. Na + H2O NaOH + H2 8. P2O5 + H2O H3PO4

9. K2O+ H2O KOH 10. KNO3 KNO2 + O2

11. C + CO2 CO 12. KOH + H3PO4 K3PO4 + H2O

13. Ba(OH)2 + HCl BaCl2 + H2O 14. Al2(SO4)3 + Ca(OH)2 Al(OH)3 + CaSO4

15. CO2 + Ca(OH)2 CaCO3 + H2O 16. AgNO3 + AlCl3 AgCl + Al(NO3)3

6. Tính số nguyên tử (phân tử) có trong:

1. 0,25 mol Al. 2. 1,3 mol HCl. 3. 2,8 mol CO2. 4. 0,06 mol S.

7. Tính số mol của

1. 11,2 gam Fe. 2. 15,68 lít N2 (đktc). 3. Hỗn hợp gồm 6,4 gam O2, 4,48 lít CO2 (đktc)

8. Tính khối lượng của

1. 0,6 mol C6H12O6. 2. 8,96 lít SO2 (đktc). 3. Hỗn hợp gồm 1,2 mol Cl2, 6,72 lít NO2 (đktc)

9. Tính thể tích (đktc) của

1. 1,5 mol khí O2. 2. 6,8 gam khí H2S. 3. Hỗn hợp gồm 5,6 gam N2, 0,44 gam CO2.

10. Biết 0,2 mol khí X2 có khối lượng 6,4 gam.

a. Xác định X và CTHH của khí X2. b. Tính tỉ khối của khí X2 so với không khí, khí H2

11. Tính thành phần phần trăm về khối lượng của mỗi nguyên tố trong hợp chất sau

1. CuCl2. 2. H3PO4. 3. Fe2(SO4)3. 4. C2H5OH.

12. Cho 112g Fe tác dụng hết với dung dịch axit clohiđric HCl tạo ra muối sắt (II) clorua FeCl2 và khí hiđro H2.

a. Viết PTHH xảy ra

b. Tính khối lượng axit HCl đã tham gia phản ứng

13. Cho m gam Fe tác dụng với dung dịch axit clohiđric HCl tạo ra khí H2 và 12,7g sắt (II) clorua FeCl2.

a. Lập PTHH của phản ứng hóa học trên.

b. Xác định giá trị m.

14. Đốt cháy hết 3,1 g phot pho . Biết sơ đồ phản ứng như sau :

P + O2 t0 P2O5

a) Tính lượng chất photpho đã dùng ?

b) Tính khối lượng hợp chất tạo thành sau phản ứng ?